

<p><b>GIẤY VÀ CACTÔNG</b></p> <p>Phương pháp xác định khối lượng một mét vuông</p>	<p><b>TCVN</b> <b>1270 — 72</b></p>
	<p>Có hiệu lực từ 1-1-1974</p>

1. Khối lượng một mét vuông giấy hoặc cactông là khối lượng của những sản phẩm này ở dạng tờ có kích thước  $1 m^2$ , tính bằng  $g/m^2$ .

**2. Dụng cụ thử**

Cân, cho phép xác định khối lượng chính xác đến 0,5% khối lượng mẫu thử. Cân phải có độ nhạy như thế nào đó để sai lệch cho phép không lớn hơn 0,2% vật liệu cân.

Dụng cụ cắt, đảm bảo cắt mẫu chính xác đến  $\pm 0,5 mm$ .

**3. Lấy mẫu**

Từ các tờ, các cuộn lấy hoặc cắt ra không ít hơn 5 tờ (ở những chỗ khác nhau của xếp và cuộn) có diện tích chung như thế nào đó để có thể cắt ra 10 mẫu thử, mỗi mẫu thử có diện tích không nhỏ hơn  $0,05 m^2$ .

**4. Cách xác định**

Để xác định khối lượng một mét vuông giấy hoặc cactông, cần tiến hành trong phòng có nhiệt độ  $25 \pm 2^{\circ}C$  và độ ẩm tương đối của không khí  $65 \pm 2\%$ .

Khi xác định, phải để cân ở chỗ không có gió lùa. Sau khi điều chỉnh cân phải tiến hành cân liên tục hết mẫu này đến mẫu khác.

Tiến hành xác định với 10 mẫu thử.

**5. Tính toán kết quả**

Khối lượng một mét vuông giấy (M) tính bằng  $g/m^2$  theo công thức sau :

$$M = \frac{m}{S} \cdot 10\,000$$

trong đó :

m — khối lượng mẫu thử, tính bằng g ;

S — diện tích mẫu thử, tính bằng  $cm^2$ .

Kết quả cuối cùng của phép xác định là giá trị trung bình cộng của 10 kết quả riêng lẻ.

Đối với sản phẩm có khối lượng một mét vuông đến  $25 g/m^2$  thì kết quả lấy chính xác đến  $0,1 g/m^2$ .

Đối với sản phẩm có khối lượng một mét vuông từ 25 đến  $1\,000 g/m^2$  thì kết quả lấy chính xác đến  $1,0 g/m^2$ .

Đối với sản phẩm có khối lượng một mét vuông cao hơn  $1\,000 g/m^2$  thì kết quả lấy chính xác đến  $5,0 g/m^2$ .